

Bản án số: 41/2017/HSST  
Ngày: 07 - 8 - 2017.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚC THỌ - TP HÀ NỘI.**

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán - Chủ tọa Phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh Loan
- Các Hội thẩm nhân dân:
  - + Ông Nguyễn Duy Tuyên
  - + Bà Trần Thị Thanh – Giáo viên nghỉ hưu
- Thư ký Tòa án ghi biên bản Phiên tòa: Bà Ngô Thị Mơ – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện PT, TP Hà Nội.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT tham gia Phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Trường – Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PT mở Phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 30/2017/HSST ngày 31 tháng 5 năm 2017 đối với các bị cáo:

**1. NGUYỄN NGỌC N** - Sinh ngày 04/8/1998 tại xã C, huyện PT, TP Hà N; Trú tại: Cụm 4, xã C, huyện PT, TP Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: Lớp 4/12; Con ông Nguyễn Ngọc N và bà Cao Thị H; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: không; Tạm giữ, tạm giam: từ ngày 08/02/2017 đến nay tại Trại tạm giam số 01 Công an Thành phố Hà Nội (theo danh bản số số 87 lập ngày 11/02/2017). Bị cáo có mặt tại Phiên tòa.

Nhân thân: Ngày 05/9/2014, bị Công an huyện PT xử phạt vi phạm hành chính mức Cảnh cáo về hành vi trộm cắp tài sản.

**2. KIỀU TRỌNG T** - Sinh ngày 06/01/2000 tại xã C, huyện PT, TP Hà N; Trú tại: Cụm 4, xã C, huyện PT, TP Hà Nội; Nghề nghiệp: H sinh; Trình độ văn hoá: Lớp 11/12; Con ông Kiều Trọng B và bà Kiều Thị Th; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: không; Tạm giữ, tạm giam: từ ngày 08/02/2017 đến nay tại Trại tạm giam số 01 Công an Thành phố Hà Nội (theo danh bản số số 88 lập ngày 11/02/2017). Bị cáo có mặt tại Phiên tòa.

**Người đại diện hợp pháp cho bị cáo T:** Ông Kiều Trọng B và bà Kiều Thị Th

TQ: Cụm 4, xã C, huyện PT, TP Hà N (bố mẹ đẻ) – Có mặt

**Người bào chữa cho bị cáo Kiều Trọng T:**

**Ông Phan Hoàn Sơn** - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý thành phố Hà Nội (Có mặt)

**3. ĐOÀN VĂN D (tức Bệu)** - Sinh năm 1992 tại xã VX, huyện PT, TP Hà N; Trú tại: Cụm 10, xã VX, huyện PT, TP Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: Lớp 09/12; Con ông Đoàn Văn Đ và bà Nguyễn Thị L; Vợ, con: Chưa có; Tiền án:

Ngày 30/11/2015, bị Tòa án nhân dân thị xã ST xử phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, chấp hành án từ ngày 19/01/2016;

Nhân thân: Ngày 17/02/2016, bị UBND xã VX, huyện PT xử phạt vi phạm hành chính (cảnh cáo) về hành vi không thực hiện nghĩa vụ của người chấp hành án cải tạo không giam giữ; Tạm giữ, tạm giam: không (theo danh bản số số 93 lập ngày 23/02/2017). Bị cáo tại ngoại, có mặt tại Pên toà.

Người bào chữa cho bị cáo Đoàn Văn D (do bị cáo D thuộc diện hộ nghèo): **Ông Lê Quang Đạo** - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý thành phố Hà N. (Có mặt)

**4. KIỀU TRỌNG C** - Sinh năm 1997 tại xã C, huyện PT, TP Hà N; Trú tại: Cụm 4, xã C, huyện PT, TP Hà Nội; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: Lớp 09/12; Con ông Kiều Trọng L (đã chết) và bà Kiều Thị N; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: không; Tạm giữ, tạm giam: từ ngày 08/02/2017 đến nay tại Trại tạm giam số 01 Công an Thành phố Hà Nội (theo danh bản số 86 lập ngày 11/02/2017). Bị cáo có mặt tại Pên toà.

Nhân thân: Ngày 18/01/2013, bị Tòa án nhân dân huyện PT, thành phố Hà Nội xử phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 26/9/2014 bị Tòa án nhân dân huyện PT xử phạt 08 tháng 24 ngày tù về tội trộm cắp tài sản.

**\* Người bị hại:**

1. **Chị Hà Thị Y**, sinh năm 1984 (Vắng mặt)

TQ: Cụm 5, xã G, huyện PT, TP Hà Nội;

2. **Anh Ngô Văn M**, sinh năm 1990 (Vắng mặt)

TQ: Cụm 1, xã VX, huyện PT, TP Hà Nội;

3. **Ông Đỗ Xuân S**, sinh năm 1964 (Vắng mặt)

TQ: Cụm 1, xã NT, huyện PT, TP Hà Nội;

4. **Ông PH Văn H**, sinh năm 1962 (Có đơn xin vắng mặt)

TQ: Cụm 6, xã P, huyện PT, TP Hà N;

5. **Anh Kiều Mạnh T1**, S năm 1996 (Vắng mặt)

TQ: Cụm 2, xã LX, huyện PT, TP Hà Nội;

6. **Anh H Bình Ch**, sinh năm 1986 (Vắng mặt)

TQ: Cụm 10, xã M, huyện PT, TP Hà Nội;

7. **Ông Nguyễn Ngọc C**, sinh năm 1964 (Có mặt)

TQ: Cụm 2, xã LX, huyện PT, TP Hà Nội;

8. Anh **Đỗ Văn Tr**, sinh năm 1991 (Vắng mặt)  
TQ: Cụm 3, xã P, huyện PT, TP Hà Nội;  
9. Ông **Nguyễn Khắc D**, sinh năm 1961 (Vắng mặt)  
TQ: Cụm 8, xã LX, huyện PT, TP Hà Nội;  
10. Bà **Khuất Thị N**, sinh năm 1962 (Có đơn xin vắng mặt)  
TQ: Cụm 11, xã VX, huyện PT, TP Hà Nội;  
11. Ông **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1970 (Vắng mặt)  
TQ: Cụm 4, xã LX, huyện PT, TP Hà Nội;  
12. Anh **Trần Đình C**, sinh năm 1987 (Vắng mặt)  
TQ: Xóm Trại, thôn P, xã Chu M, huyện V, TP Hà Nội;  
13. Anh **Hoàng Văn H**, sinh năm 1998 (Vắng mặt)  
TQ: Cụm 8, xã X, huyện P, TP Hà N;  
14. Anh **Nguyễn Thành N**, sinh năm 1996 (Vắng mặt)  
TQ: Số 10/8, L, thị xã ST, TP Hà Nội  
15. Chị **PH Thu H**, S năm 1994 (Vắng mặt)  
TQ: Tổ 8, Vân Gia, thị xã ST, TP Hà Nội.

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ Q:**

- Ông **Nguyễn Văn Th**, sinh năm 1962 (Vắng mặt)  
TQ: Cụm 3, xã LX, huyện PT, TP Hà Nội;
- Ông **Khuất Duy H**, sinh năm 1973 (Vắng mặt)  
TQ: Cụm 6, thị trấn Q, huyện T, TP Hà Nội;
- Bà **Kiều Thị Th**, sinh năm 1978 (Có mặt)  
TQ: Cụm 4, xã C, huyện PT, TP Hà Nội;
- Ông **Nguyễn Ngọc N**, sinh năm 1970, bà **Cao Thị H**, sinh năm 1971 (Có mặt)  
TQ: Cụm 4, xã C, huyện PT, TP Hà Nội;
- Anh **Kiều Văn H**, sinh năm 1981 (Vắng mặt)  
TQ: Cụm 6, xã C, huyện PT, TP Hà Nội;

**\* Người làm chứng:**

- Anh **Cần Văn H**, sinh năm 1994 (Vắng mặt)  
TQ: Thôn N, xã K, huyện T, TP Hà Nội

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện PT truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Trong thời gian từ tháng 9/2016 đến tháng 02/2017, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện PT liên tục nhận được đơn trình báo của người dân về việc bị mất trộm tài sản (xe mô tô), nên đã tiến hành các hoạt động nghiệp vụ điều tra để truy tìm thủ phạm.

Ngày 08/02/2017, Kiều Trọng T, sinh năm 2000; Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1998; Kiều Trọng C, sinh năm 1997, cùng trú tại Cụm 4, xã C, huyện PT, thành phố Hà Nội đến Công an huyện PT đầu thú. Tại cơ quan điều tra, các đối tượng đều khai

nhận đã nhiều lần cùng nhau trộm cắp tài sản (là xe mô tô) của người dân trên địa bàn huyện PT, mang bán cho Đoàn Văn D, sinh năm: 1992, trú tại: Cụm 10, xã VX, huyện PT, thành phố Hà N lấy tiền chia nhau tiêu sài; Nội dung cụ thể như sau:

**Vụ thứ nhất:** Khoảng 18 giờ 30 phút, ngày 21/9/2016, Nguyễn Ngọc N và Kiều Trọng T điều khiển xe mô tô (*các bị cáo không nhớ rõ đặc điểm, nhãn hiệu xe mô tô gì, của ai*) chở nhau đến xã G, mục đích tìm xem ai có sơ hở về tài sản để trộm cắp. Khi đi đến nhà chị Hà Thị Y (sinh năm 1984, ở cụm 5, xã G, huyện PT, thành phố Hà N), N và T phát hiện thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE  $\alpha$ , màu bạc biển kiểm soát 29V3-222.48 dựng ở trước cửa nhà. Quan sát thấy xung quanh không có người, T đứng ngoài cảnh giới, còn N đến dùng VAM mang theo trong người phá ổ khoá cổ, mở khoá điện, nổ máy và điều khiển xe đi ra Quốc lộ 32, đi về đến làng Bảo Lộc, xã VX thì N dừng xe dùng Vam phá khoá mở cốp xe kiểm tra phát hiện bên trong cốp xe có giấy đăng ký xe, N một mình mang chiếc xe kèm theo giấy đăng ký xe mô tô đến nhờ Cán Văn H (sinh năm 1994, trú tại thôn N, xã K, huyện T, thành phố Hà Nội) bán hộ. N nói với H là xe của gia đình đang cần tiền nên đem bán. H đồng ý và mang bán chiếc xe này cho anh Khuất Duy H (sinh năm 1973, trú tại cụm 6, Thị trấn Q, T, Hà Nội) với giá 13.000.000đồng (*Mười ba triệu đồng*) và đưa lại toàn bộ số tiền này cho N. Số tiền này, N và T cùng nhau tiêu sài cá nhân hết. Sau khi mua được chiếc xe trên anh H bán lại cho ông Nguyễn Văn Th (sinh năm 1947, trú tại cụm 3, xã LX, huyện PT, thành phố Hà N) với giá 14.500.000 đồng (*Mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng*). Khi mua xe thì anh H và ông Th không biết là tài sản do phạm tội mà có. Sau khi biết đó là tài sản phạm pháp, ông Th đã tự nguyện mang chiếc xe đến giao nộp cho cơ quan điều tra.

Theo Kết luận định giá tài sản ngày 17/02/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện PT đã kết luận: Vào thời điểm bị chiếm đoạt, chiếc xe mô tô trên có giá trị là 13.000.000 đồng (*Mười ba triệu đồng*).

Sau khi làm rõ nguồn gốc xe mô tô, Cơ quan cảnh sát điều tra đã trao trả tài sản cho chị Hà Thị Y là chủ sở hữu, nay chị Y không có yêu cầu đề nghị gì về dân sự.

Trong quá trình điều tra, bà Cao Thị H (mẹ đẻ của Nguyễn Ngọc N) và bà Kiều Thị Th (mẹ đẻ của Kiều Trọng T) đã tự nguyện nộp mỗi gia đình là 20.000.000đ, tổng cộng là 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*) để khắc phục hậu quả cho N và T. Cơ quan điều tra đã trích và trả cho ông Nguyễn Văn Th 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*). Nay ông Th yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm 11.500.000đ (*Mười một triệu năm trăm nghìn đồng*).

**Vụ thứ hai:** Khoảng 23 giờ ngày 09/10/2016, Nguyễn Ngọc N và Kiều Trọng T điều khiển xe mô tô (do sử dụng nhiều xe mô tô làm phương tiện phạm tội nên các bị cáo không nhớ chính xác là đã đi bằng xe nào) đi qua nhà anh Ngô Văn M (sinh năm 1990, ở cụm 1, xã VX, huyện PT), phát hiện thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE  $\alpha$ , màu đen bạc, biển kiểm soát 29V3-131.63 dựng ở sân nhà anh M. Quan sát thấy xung quanh không có người, chìa khoá xe vẫn cắm ở ổ khoá điện, N và T nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản. Kiều Trọng T đứng ngoài cảnh giới, còn Nguyễn

Ngọc N đi đến, thấy cổng không khóa liền mở cổng đến dắt chiếc xe ra ngoài đường, rồi mở khoá điện nổ máy điều khiển xe chở T đi đến nhà Đoàn Văn D (thường gọi là Bệu, S năm: 1992, trú tại Cụm 10, xã VX, huyện PT, thành phố Hà N), bán chiếc xe này cho D với giá 3.500.000đ (*Ba triệu năm trăm nghìn đồng*), số tiền này cả hai cùng nhau tiêu sài cá nhân hết.

Mặc dù biết chiếc xe này là tài sản do N và T trộm cắp mà có nhưng vì hám lời nên Đoàn Văn D vẫn mua. Sau khi mua được xe, D dùng 01 bình hơi; 01 súng bắn hơi và 01 bộ D cụ tháo lắp cơ khí, tháo rời các bộ phận chiếc xe ra, rồi sử dụng chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Cup màu xanh biển kiểm soát 33K1- 2028 chở các phụ tùng đó xuống chợ Dịch Vọng, thuộc quận Cầu Giấy, thành phố Hà N, bán cho một người đàn ông không quen biết với giá 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*). Số tiền này, D tiêu sài cá nhân hết.

Bản Kết luận định giá tài sản ngày 17/02/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện PT đã kết luận: Vào thời điểm bị chiếm đoạt, chiếc xe mô tô trên có giá trị là 7.000.000đ (*Bảy triệu đồng*).

Do không thu hồi được tài sản bị mất, nên anh Ngô Văn M là người bị hại đề nghị bồi thường giá trị chiếc xe là 7.000.000đ (*Bảy triệu đồng*). Cơ quan điều tra đã trích 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) từ số tiền gia đình N và T tự nguyện nộp, trả cho anh Ngô Văn M. Nay anh M yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm số tiền 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*).

**Vụ thứ ba:** Khoảng 13giờ 00 phút ngày 17/10/2016, anh Đỗ Xuân S (Sinh năm 1964, trú tại Cụm 1, xã NT, huyện PT, thành phố Hà N) đến làm tại trang trại của anh Đỗ Văn KH, sinh năm 1977, ở cụm 6 xã Vân N, PT, Hà N, anh S dựng chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE  $\alpha$ , màu xanh đen, biển kiểm soát 29D1-474.27 trong trang trại của anh KH. Khi đi qua khu vực này, Kiều Trọng T và Nguyễn Ngọc N thấy xung quanh chiếc xe không có ai nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. T ở bên ngoài cảnh giới, còn N đi vào dùng VAM mang theo trong người phá ổ khoá cổ, mở khoá điện, nổ máy điều khiển xe chở T, đi xe đến bán cho Đoàn Văn D với giá 4.500.000đ (*Bốn triệu năm trăm nghìn đồng*), số tiền này cả hai cùng nhau tiêu sài cá nhân hết. Sau khi mua được xe, D tháo rời các phụ tùng của xe mang xuống chợ Dịch Vọng, thuộc quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, bán cho một người đàn ông không quen biết được 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*), thu lợi 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*) và tiêu sài cá nhân hết.

Bản Kết luận định giá tài sản ngày 17/02/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện PT đã kết L: Vào thời điểm bị chiếm đoạt, chiếc xe mô tô trên có giá trị là 12.000.000đ (*Mười hai triệu đồng*).

Quá trình điều tra không thu hồi được chiếc xe này, anh Đỗ Xuân S đề nghị được bồi thường giá trị chiếc xe bị mất là 12.000.000đ (*Mười hai triệu đồng*). Cơ quan điều tra đã trích 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) từ số tiền gia đình N và T tự nguyện nộp, trao trả cho ông S. Nay anh S yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm số tiền 9.000.000đ (*Chín triệu đồng*).

**Vụ thứ tư:** Khoảng 18 giờ 40 ngày 21/10/2016, ông PH Văn H (S năm 1962, trú tại Cụm 6, xã P, huyện PT, thành phố Hà N) dựng chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA LEAD, màu vàng, biển kiểm soát 29V3-046.39 trong sân nhà mình. Khi đi qua khu vực nhà ông H, Kiều Trọng T và Nguyễn Ngọc N quan sát thấy xung quanh chiếc xe không có ai, chìa khóa xe cắm ở ổ khóa điện nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. T đứng ngoài cảnh giới, còn N đi đến mở khóa điện, nổ máy và điều khiển xe chở T đi xe đến bán cho Đoàn Văn D với giá 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*), Số tiền này cả hai cùng nhau tiêu sài cá nhân hết. Sau khi mua xe, D mang xe đến gửi ở bãi gửi xe khu vực bến xe thị xã ST, thành phố Hà N. Quá trình điều tra D đã tự nguyện giao nộp chiếc xe này cho cơ quan điều tra.

Theo Kết luận định giá tài sản ngày 17/02/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện PT đã kết luận: Vào thời điểm bị chiếm đoạt, chiếc xe trên có giá trị là 21.000.000đ (*Hai mươi một triệu đồng*).

Ông Phạm Văn H khai báo còn bị mất 01 chiếc mũ bảo hiểm loại chụp nửa đầu và 02 bộ áo mưa để trong cốp xe mà các bị cáo đã chiếm đoạt. Do số tài sản có giá trị nhỏ nên ông H không có yêu cầu đề nghị gì. Kiều Trọng T, Nguyễn Ngọc N và Đoàn Văn D khai nhận sau khi trộm cắp, đem bán và cất giấu chiếc xe thì các bị cáo không mở cốp xe kiểm tra nên không biết có số tài sản trên.

Cơ quan cảnh sát điều tra đã trao trả chiếc xe này cho ông Phạm Văn H Sau khi nhận được tài sản, ông H không có yêu cầu đề nghị bồi thường dân sự hay bồi thường Thệt hại gì khác.

**Vụ thứ năm:** Khoảng 19 giờ ngày 28/10/2016, anh Kiều Mạnh T1 (Sinh năm 1996, trú tại Cụm 2, xã LX, huyện PT, thành phố Hà N) đi ăn cưới tại cụm 2, xã LX, dựng chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE  $\alpha$ , màu trắng - đen - bạc, biển kiểm soát: 29V3-246.99 ở trong sân nhà ông Hà Hữu P, (SN:1956, ở cụm 2, xã LX). Khi đi qua khu vực này, Kiều Trọng T và Nguyễn Ngọc N thấy xung quanh chiếc xe không có người, nên nảy S ý định chiếm đoạt. T đứng ngoài cảnh giới, còn N đi vào dùng VAM mang theo trên người phá ổ khoá điện, nổ máy và điều khiển xe chở T, đi đến bán xe cho Đoàn Văn D với giá 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*), số tiền này cả hai cùng nhau tiêu sài cá nhân hết. Cũng dùng thủ đoạn như các vụ trước, Đoàn Văn D tháo rời các phụ tùng của xe mô tô, mang bán cho một người đàn ông không quen biết tại chợ Dịch Vọng, Cầu Giấy với giá 5.500.000đ (*Năm triệu năm trăm nghìn đồng*), thu lợi 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*), dùng tiêu sài cá nhân hết.

Bản Kết luận định giá tài sản ngày 17/02/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện PT đã kết luận: Vào thời điểm bị chiếm đoạt, chiếc xe trên có giá trị là 16.000.000đ (*Mười sáu triệu đồng*).

Quá trình điều tra không thu hồi được chiếc xe này, anh Kiều Mạnh T1 đề nghị được bồi thường giá trị xe bị mất là 16.000.000đ (*Mười sáu triệu đồng*). Cơ quan điều tra đã trích 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) từ số tiền gia đình N và T giao nộp, trao trả cho anh T1. Nay anh T1 yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm số tiền là 13.000.000đ (*Mười ba triệu đồng*).

**Vụ thứ sáu:** Vào khoảng 19 giờ 05 ngày 09/11/2016, anh H Bình Ch (S năm 1986, trú tại Cụm 10, M, PT, Hà N) dựng chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE  $\alpha$ , màu xanh – đen - bạc, biển kiểm soát 29V3-18739 trên hè nhà mình. Khi đi qua khu vực nhà anh Ch, Kiều Trọng T và Nguyễn Ngọc N thấy xung quanh chiếc xe không có người, nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. T đứng ngoài cảnh giới, còn N đi vào dùng VAM mang theo trên người phá khóa cổ, mở khóa điện, nổ máy điều khiển xe chở T đi đến bán xe cho Đoàn Văn D với giá 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*), số tiền này cả hai cùng nhau tiêu sài cá nhân hết. Cũng như các vụ trước, sau khi mua được xe, D tháo rời các phụ tùng của xe mang bán cho một người đàn ông không quen biết tại chợ Dịch Vọng, Cầu Giấy được 3.500.000đ (*Ba triệu năm trăm nghìn đồng*), thu lợi 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*) và tiêu sài cá nhân hết.

Bản Kết luận định giá tài sản ngày 17/02/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện PT đã kết luận: Vào thời điểm bị chiếm đoạt, chiếc xe trên có giá trị là 14.000.000đ (*Mười bốn triệu đồng*).

Quá trình điều tra không thu hồi được chiếc xe này, anh Hoàng Bình Ch đề nghị được bồi thường số tiền là 14.000.000đ (*Mười bốn triệu đồng*).

Cơ quan điều tra đã trích 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) từ số tiền gia đình N và T giao nộp, trao trả cho anh Ch. Nay anh Ch yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm số tiền là 11.000.000đ (*Mười một triệu đồng*).

**Vụ thứ Bảy:** Khoảng 20 giờ 20 phút ngày 09/11/2016, ông Nguyễn Ngọc C (S năm 1964, trú tại Cụm 1, xã LX, huyện PT, thành phố Hà N) đến chơi nhà ông Kiều Văn S, (S năm 1969, ở Cụm 2, xã LX, huyện PT, thành phố Hà N) và dựng chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE RS màu xanh-đen-bạc, biển kiểm soát 30F1-6829 của mình tại sân nhà ông S. Khi đi qua khu vực nhà ông S, Kiều Trọng T và Nguyễn Ngọc N thấy xung quanh chiếc xe không có người nên nảy S ý định chiếm đoạt. T đứng bên ngoài cảnh giới, còn N đi vào dùng VAM mang theo trên người phá ổ khóa cổ nhưng không mở được khóa điện, nên N dắt chiếc xe này ra chỗ T đứng chờ rồi cùng T dắt xe đến bán cho Đoàn Văn D với giá 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*), số tiền này cả hai cùng nhau tiêu sài cá nhân hết. Cũng thủ đoạn như các vụ trước, D đem bán các phụ tùng tháo rời của chiếc xe này cho một người đàn ông không quen biết tại chợ Dịch Vọng, Cầu Giấy được 3.400.000đ (*Ba triệu bốn trăm nghìn đồng*), thu lợi 400.000đ (*Bốn trăm nghìn đồng*) và tiêu sài cá nhân hết.

Bản Kết L định giá tài sản ngày 17/02/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện PT đã kết luận: Vào thời điểm bị chiếm đoạt, chiếc xe trên có giá trị là 8.000.000đ (*Tám triệu đồng*).

Quá trình điều tra không thu hồi được chiếc xe này, ông Nguyễn Ngọc C đề nghị được bồi thường giá trị xe bị mất là 8.000.000đ (*Tám triệu đồng*).

Cơ quan điều tra đã trích 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) từ số tiền gia đình bị can N và T giao nộp, trao trả cho ông C. Nay ông C yêu cầu các bị cáo tiếp tục được bồi thường thêm số tiền là 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*).

**Vụ thứ tám:** Khoảng 13 giờ 30 ngày 10/11/2016, anh Đỗ Văn Tr (sinh năm 1991, trú tại Cụm 3, xã P, huyện PT, thành phố Hà N) dựng chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA DREAM, màu nâu, biển kiểm soát 29V3-179.16 trong sân nhà mình. Khi đi qua khu vực này, Kiều Trọng T và Nguyễn Ngọc N thấy xung quanh chiếc xe không có ai nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. T đứng ngoài cảnh giới, còn N đi đến dùng VAM mang theo trên người phá ổ khoá điện nhưng không mở được khoá điện, nên N dắt chiếc xe này ra chỗ T đứng chờ rồi cùng T dắt đẩy chiếc xe đến bán cho Đoàn Văn D với giá 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng*), số tiền này cả hai cùng nhau tiêu sài cá nhân hết. Cũng với thủ đoạn như trước, Đoàn Văn D bán các phụ tùng của chiếc xe được 6.800.000đ (*Sáu triệu tám trăm nghìn đồng*), thu lợi 800.000đ (*Tám trăm nghìn đồng*), đã tiêu sài cá nhân hết.

Bản Kết luận định giá tài sản ngày 17/02/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện PT đã kết luận: Vào thời điểm bị chiếm đoạt, chiếc xe trên có giá trị là 25.000.000đ (*Hai mươi lăm triệu đồng*).

Quá trình điều tra không thu hồi được chiếc xe này, anh Đỗ Văn Tr đề nghị được bồi thường số tiền là 25.000.000đ (*Hai mươi lăm triệu đồng*).

Cơ quan điều tra đã trích số tiền 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*) từ số tiền gia đình N và T giao nộp trao trả cho anh Tr. Nay anh Tr yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm số tiền là 21.000.000đ (*Hai mươi một triệu đồng*).

**Vụ thứ chín:** Khoảng 18 giờ 30 ngày 30/11/2016, ông Nguyễn Khắc D (sinh năm 1961, trú tại Cụm 8, xã LX, huyện PT, thành phố Hà Nội) dựng chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA DREAM, màu nâu, biển kiểm soát 30X2-2793 trong sân nhà mình. Khi đi qua khu vực này, Kiều Trọng T và Nguyễn Ngọc N thấy xung quanh không có ai nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. N đứng ngoài cảnh giới, còn T đi đến dùng VAM mang theo trên người phá ổ khoá điện nhưng không mở được khoá điện, nên T dắt chiếc xe này ra ngoài đường rồi cùng N dắt đẩy chiếc xe đến bán cho Đoàn Văn D với giá 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*), rồi cùng nhau tiêu sài cá nhân hết. Cũng với thủ đoạn nêu trên, D đã tháo rời các phụ tùng của chiếc xe mang bán được 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*), thu lợi 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) và tiêu sài cá nhân hết.

Bản Kết luận định giá tài sản ngày 17/02/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện PT đã kết luận: Vào thời điểm bị chiếm đoạt, chiếc xe trên có giá trị là 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*).

Quá trình điều tra không thu hồi được chiếc xe này, ông Nguyễn Khắc D đề nghị được bồi thường số tiền là 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*).

Cơ quan điều tra đã trích 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) từ số tiền gia đình N và T giao nộp trao trả cho ông D. Nay ông D yêu cầu các bị cáo tiếp tục bồi thường thêm số tiền là 7.000.000đ (*Bảy triệu đồng*).

**Vụ thứ mười:** Khoảng 19 giờ 30 ngày 24/01/2017, bà Khuất Thị N (sinh năm 1962, trú tại Cụm 11, xã VX, huyện PT, thành phố Hà N) dựng chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE  $\alpha$ , màu đỏ - đen, biển kiểm soát 33P1-2934 bên trong sân nhà

mình. Khi đi qua khu vực này, Kiều Trọng T và Nguyễn Ngọc N thấy xung quanh không có ai nên nảy S ý định chiếm đoạt. N đứng ngoài cảnh giới, còn T đi đến dùng VAM mang theo trên người phá ổ khoá điện nhưng không mở được khóa điện, nên T dắt chiếc xe này ra chỗ N đứng chờ, rồi cùng N dắt đẩy chiếc xe này đến bán cho Đoàn Văn D với giá 3.600.000đ (*Ba triệu sáu trăm nghìn đồng*), cùng nhau tiêu sài cá nhân hết. Cũng với thủ đoạn nêu trên, D đã tháo rời và mang bán các phụ tùng của chiếc xe được 4.300.000đ (*Bốn triệu ba trăm nghìn đồng*), thu lợi 700.000đ (*B trăm nghìn đồng*) tiêu sài cá nhân hết.

Bản Kết luận định giá tài sản ngày 17/02/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện PT đã kết luận: Vào thời điểm bị chiếm đoạt, chiếc xe trên có giá trị là 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng*).

Quá trình điều tra không thu hồi được chiếc xe này, bà Khuất Thị N không có ý kiến gì về Kết L định giá tài sản, nhưng yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền là 8.000.000 đồng (*Tám triệu đồng*).

Cơ quan điều tra đã trích 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) từ số tiền gia đình bị can N và T giao nộp, trao trả cho bà Khuất Thị N. Nay bà N yêu cầu các bị can tiếp tục bồi thường thêm số tiền là 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*).

Tại đơn xin xét xử vắng mặt, bà N đã đồng ý với kết quả định giá, yêu cầu bồi thường 6.000.000đ, đã được bồi thường 3.000.000đ, nay bà yêu cầu các bị cáo bồi thường tiếp số tiền 3.000.000đ.

**Vụ thứ mười một:** Khoảng 13 giờ 20 phút ngày 06/02/2017, ông Nguyễn Văn D (sinh năm: 1970, trú tại cụm 4, xã LX, huyện PT, thành phố Hà N) dựng chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE  $\alpha$ , màu đen – bạc, biển kiểm soát 30M1-1757 ở trước cửa nhà mình. Khi đi qua khu vực này, Kiều Trọng T, Nguyễn Ngọc N và Kiều Trọng C thấy xung quanh chiếc xe không có ai, nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. N và C đứng ngoài cảnh giới, còn T đi đến dùng VAM mang theo trên người phá ổ khoá điện, nổ máy và điều khiển xe đi về. Sau khi trộm cắp được, Nguyễn Ngọc N gọi điện cho Đoàn Văn D, rồi cùng T và C mang chiếc xe này đến bán cho D với giá 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*), số tiền này cả ba cùng nhau tiêu sài cá nhân hết. Cũng với thủ đoạn nêu trên, D đã tháo rời các phụ tùng của chiếc xe, mang bán được 4.600.000đ (*Bốn triệu sáu trăm nghìn đồng*), thu lợi 600.000đ (*Sáu trăm nghìn đồng*) tiêu sài cá nhân hết.

Bản Kết luận định giá tài sản ngày 17/02/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện PT đã kết luận: Vào thời điểm bị chiếm đoạt, chiếc xe trên có giá trị là 8.000.000đ (*Tám triệu đồng*).

Quá trình điều tra không thu hồi được chiếc xe này, ông Nguyễn Văn D đề nghị được bồi thường số tiền là 8.000.000đ (*Tám triệu đồng*).

Cơ quan điều tra đã trích 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) từ số tiền gia đình N và T giao nộp, trao trả cho ông Nguyễn Văn D. Nay ông D yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm số tiền là 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*).

Ngoài ra, quá trình điều tra, Kiều Trọng T, Nguyễn Ngọc N và Kiều Trọng C còn khai nhận đã thực hiện nhiều vụ trộm cắp xe mô tô của người khác tại các địa pH khác, như huyện V, P và thị xã ST thuộc thành phố Hà Nội. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện PT đã có công văn gửi đến Công an các huyện, thị xã nêu trên để phối hợp điều tra, giải quyết theo quy định của pháp luật. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an các huyện V, P và thị xã ST đã có công văn ủy quyền cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện PT tiến hành điều tra giải quyết các vụ trộm cắp tài sản mà Kiều Trọng T, Nguyễn Ngọc N và Kiều Trọng C đã gây ra ở các địa phương này, cụ thể như sau:

**Vụ thứ mười hai:**

Khoảng 19 giờ 05 phút ngày 23/10/2016, anh Trần Đình C (sinh năm:1987, trú tại xóm Trại, thôn P, xã Chu M, huyện V, TP Hà Nội) dựng chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE  $\alpha$ , màu sơn: Đỏ- đen- bạc, biển kiểm soát 29V1-343.99 trước cửa hàng tạp hóa của gia đình mình. Khi đi qua khu vực này, Kiều Trọng T và Nguyễn Ngọc N thấy xung quanh chiếc xe không có ai, nên nảy S ý định chiếm đoạt. Nguyễn Ngọc N đi đến dùng VAM mang theo trên người phá ổ khóa cổ, mở khoá điện, nổ máy và điều khiển chiếc xe này, cùng T mang bán cho Đoàn Văn D với giá 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*), số tiền này cả hai cùng nhau tiêu sài cá nhân hết. Cũng với thủ đoạn nêu trên, Đoàn Văn D bán chiếc xe này được 4.500.000đ (*Bốn triệu năm trăm nghìn đồng*), thu lợi 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*), tiêu sài cá nhân hết.

Bản Kết luận định giá tài sản ngày 02/3/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện PT đã kết luận: Vào thời điểm bị chiếm đoạt, chiếc xe trên có giá trị là 15.000.000đ (*Mười năm triệu đồng*).

Quá trình điều tra không thu hồi được chiếc xe này, anh Trần Đình C đề nghị bồi thường số tiền là 15.000.000đ (*Mười năm triệu đồng*).

Cơ quan điều tra đã trích 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) từ số tiền gia đình N và T giao nộp, trao trả cho anh C. Nay anh C yêu cầu các bị cáo tiếp tục bồi thường thêm số tiền là 12.000.000đ (*Mười hai triệu đồng*).

**Vụ thứ mười ba:**

Vào khoảng 13 giờ 15 phút ngày 08/11/2016, anh H Văn H (sinh năm 1998, trú tại Cụm 8, xã X, huyện P, TP Hà N) dựng chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA EXCITER 150cc, màu sơn: trắng- đỏ, biển kiểm sát 29X3-248.92 trong sân nhà mình. Khi đi qua khu vực này, Kiều Trọng T và Nguyễn Ngọc N thấy xung quanh chiếc xe không có ai, nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. T đứng ngoài cảnh giới, còn N đi đến dùng VAM mang theo trên người phá khóa cổ, mở khoá điện, nổ máy và điều khiển chiếc xe này cùng T đi về. Sau khi trộm cắp được N và T mang chiếc xe này về xã C tháo và vứt bỏ biển số xe (các bị cáo không nhớ rõ vị trí vứt bỏ biển số), và dán đề can chiếc xe thành màu đen-đỏ rồi sử dụng chiếc xe này làm phương tiện tiếp tục đi trộm cắp các xe máy khác. Đến ngày 08/02/2017, do không có tiền trả tiền hát karaoke cho anh Kiều Văn H (SN:1981, trú tại cụm 6, C, PT, Hà N), Nguyễn Ngọc N đã cầm cố chiếc xe này cho anh H với giá 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*).

Quá trình điều tra, anh Kiều Văn H khai khi cho các bị cáo thế chấp chiếc xe trên thì anh không biết là tài sản do phạm tội mà có. Anh H đã tự nguyện giao nộp chiếc xe này cho Cơ quan điều tra và không có yêu cầu đề nghị gì.

Bản Kết luận định giá tài sản ngày 02/3/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện PT đã kết luận: Vào thời điểm bị chiếm đoạt, chiếc xe trên có giá trị là 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*).

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trao trả chiếc xe cho anh Hoàng Văn H. Sau khi nhận được tài sản bị mất, anh H không có yêu cầu đề nghị bồi thường dân sự hay bồi thường thiệt hại gì khác.

**Vụ thứ mười bốn:**

Khoảng 18 giờ 45 phút ngày 16/01/2017, anh Nguyễn Thành N (sinh năm 1996, trú tại Số 10/8, L, ST, Hà Nội) dựng chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE  $\alpha$ , màu sơn: Trắng- Đen- Bạc, biển kiểm soát 29U1-234.94 ven đường phía trước bãi đất trống trong Ngõ 13, phố Chùa Thông, phường Sơn Lộc, thị xã ST, thành phố Hà Nội để đi vệ sinh cá nhân. Khi đi qua khu vực này, Kiều Trọng T và Nguyễn Ngọc N thấy xung quanh chiếc xe không có ai, chìa khóa xe vẫn cắm ở ổ khóa điện nên nảy S ý định chiếm đoạt. Kiều Trọng T đi đến mở khóa điện, nổ máy điều khiển xe, cùng N mang đến bán cho Đoàn Văn D với giá 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) rồi cùng nhau tiêu sài cá nhân hết. Cũng với thủ đoạn trên, Đoàn Văn D đã bán chiếc xe này được 5.500.000đ (*Năm triệu năm trăm nghìn đồng*), thu lợi 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*) tiêu sài cá nhân hết.

Bản Kết luận định giá tài sản ngày 02/3/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện PT đã kết luận: Vào thời điểm bị chiếm đoạt, chiếc xe trên có giá trị là 15.000.000đ (*Mười năm triệu đồng*).

Quá trình điều tra không thu hồi được chiếc xe này, anh Nguyễn Thành N đề nghị bồi thường số tiền là 15.000.000đ (*Mười năm triệu đồng*).

Cơ quan điều tra đã trích 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) từ số tiền gia đình N và T giao nộp, trao trả cho anh N. Nay anh N yêu cầu các bị cáo tiếp tục bồi thường thêm số tiền là 12.000.000đ (*Mười hai triệu đồng*).

**Vụ thứ mười lăm:**

Vào khoảng 21 giờ 00 phút ngày 05/02/2017, chị PH Thu H (sinh năm: 1994, trú tại tổ 8, Vân Gia, ST, Hà N) dựng chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE  $\alpha$ , màu sơn: Xanh - đen – bạc, biển kiểm soát 18D1-150.25 ở trước cửa nhà mình. Khi đi qua khu vực này, Kiều Trọng T, Nguyễn Ngọc N và Kiều Trọng C thấy xung quanh chiếc xe không có ai nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. N và C đứng ngoài cảnh giới, còn T đi đến dùng VAM mang theo trên người phá ổ khóa cổ, mở khoá điện, nổ máy và điều khiển xe cùng N và C mang chiếc xe này đến bán cho Đoàn Văn D với giá 4.800.000đ (*Bốn triệu tám trăm nghìn đồng*) cùng nhau tiêu sài cá nhân hết. Cũng với thủ đoạn nêu trên, D bán chiếc xe này được 5.300.000đ (*Năm triệu ba trăm nghìn đồng*), thu lợi 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*), tiêu sài cá nhân hết.

Bản Kết luận định giá tài sản ngày 02/3/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện PT đã kết luận: Vào thời điểm bị chiếm đoạt, chiếc xe trên có giá trị là 12.000.000đ (*Mười hai triệu đồng*).

Quá trình điều tra không thu hồi được chiếc xe này, chị Phạm Thu H đề nghị bồi thường số tiền là 12.000.000đ (*Mười hai triệu đồng*).

Cơ quan điều tra đã trích 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) từ số tiền gia đình N và T giao nộp, trao trả cho chị H. Nay chị H yêu cầu các bị cáo tiếp tục bồi thường thêm số tiền là 9.000.000đ (*Chín triệu đồng*).

***Về vật chứng của vụ án:***

Quá trình điều tra đã thu hồi, trả lại cho các chủ sở hữu tài sản được một số tài sản như đã nêu trong từng vụ án, còn một số tài sản (xe máy) không thu hồi được, do Đoàn Văn D đã bán cho những người không quen biết, không rõ tên tuổi, địa chỉ cụ thể.

Đối với chiếc VAM mà các bị cáo sử dụng làm công cụ phạm tội, là do N được một người bạn cho từ lâu (nay N không nhớ rõ là ai, cho vào thời gian nào, ở đâu). Chiếc VAM được C cất giấu ở cổng nhà ông N tại Cụm 4, xã C, huyện PT. Sau đó, gia đình Kiều Trọng C tự nguyện giao nộp lại cho Cơ quan Cảnh sát điều tra.

Các bị cáo Kiều Trọng T và Nguyễn Ngọc N khai: Sau khi trộm cắp được chiếc xe YAMAHA EXCITER các bị cáo đã sử dụng D làm phương tiện phạm tội. Ngoài ra, quá trình phạm tội trước đó thì các bị cáo còn sử dụng 02 chiếc xe mô tô khác nữa làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội cụ thể:

- Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE  $\alpha$  màu trắng BKS:29V3 – 22484, quá trình điều tra đã xác định chủ sở hữu chiếc xe là của ông Nguyễn Ngọc N (bố đẻ Nguyễn Ngọc N). Ông N không biết việc Nguyễn Ngọc N sử dụng chiếc xe để đi trộm cắp tài sản.

- Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE RS màu đỏ-đen BKS:30X2 – 5642, quá trình điều tra đã xác định chủ sở hữu chiếc xe là của chị Kiều Thị D (sinh năm 1986, trú tại thôn Nguyên Khê, xã Nguyên Khê, Đông Anh, Hà N - là dì ruột của Kiều Trọng T). Chị D cho gia đình Kiều Trọng T mượn để sử dụng làm phương tiện đi lại. Việc T sử dụng chiếc xe này làm phương tiện phạm tội, thì chị D cũng như các thành viên trong gia đình T không ai biết.

Vì vậy, Cơ quan điều tra không thu giữ hai chiếc xe này là có căn cứ.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda CUB màu xanh BKS:33K1-2028 làm phương tiện mà Đoàn Văn D sử dụng làm phương tiện chở phụ tùng những chiếc xe máy trộm cắp được đi tiêu thụ như đã nêu trong từng vụ án. Kết quả điều tra xác định, chiếc xe máy này là của ông Đoàn Văn Đ (là bố đẻ của Đoàn Văn D). Ông Đ không biết việc D sử dụng chiếc xe này làm phương tiện phạm tội. Đến tháng 02/2017, Đoàn Văn D đã đem bán chiếc xe cho một người đàn ông không quen biết tại chợ Dịch Vọng- Cầu Giấy. Hiện chiếc xe này ở đâu, ông Đ và D đều không biết nên không có cơ sở xác M, truy tìm, thu giữ.

Đối với số dụng cụ Đoàn Văn D sử dụng để tháo rời các bộ phận xe máy như đã nêu trên, gồm: 01 bình hơi, 01 súng bắn hơi và 01 bộ dụng cụ tháo lắp cơ khí, D đã đem bán cùng với chiếc xe Honda CUB, nên không có cơ sở xác minh, truy tìm thu giữ.

**\* Về trách nhiệm dân sự:**

Gia đình bị cáo Nguyễn Ngọc N và Kiều Trọng T đã tự nguyện nộp mỗi gia đình 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), tổng cộng là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) và đề nghị cơ quan điều tra bồi thường khắc phục một phần hậu quả. Cơ quan điều tra đã trao trả hết số tiền trên cho những người bị hại.

Ngày 23/3/2017, Đoàn Văn D đã tự giác giao nộp cho cơ quan điều tra số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) để khắc phục hậu quả. Số tiền này, cơ quan điều tra đã giữ lại và đề nghị xem xét giải quyết trong giai đoạn truy tố, xét xử. Tại Phiên tòa, D tự nguyện giao nộp sung quỹ Nhà nước số tiền 7.000.000đ thu lời bất C, số tiền còn lại là 13.000.000đ, D tự nguyện xin được thay cho các bị cáo bồi thường cho những người bị hại mà D đã tiêu thụ xe máy của họ.

Tại bản Cáo trạng số 28/CT - VKS ngày 31 - 5- 2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện PT – TP Hà Nội đã truy tố các bị cáo Nguyễn Ngọc N, Kiều Trọng T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 138 của Bộ luật hình sự, bị cáo Kiều Trọng C về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự, bị cáo Đoàn Văn D về tội: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo điểm c khoản 2 Điều 250 của Bộ luật hình sự

Tại Phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Viện kiểm sát nhân dân huyện PT đã truy tố.

Tại Phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân huyện PT giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị HĐXX tuyên bố các bị cáo Nguyễn Ngọc N, Kiều Trọng T, Kiều Trọng C phạm tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo Đoàn Văn D phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”;

Đề nghị áp dụng điểm a khoản 3 Điều 138, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Bộ luật hình sự xử phạt Nguyễn Ngọc N từ 8 đến 8 năm 6 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/02/2017;

Đề nghị áp dụng điểm a khoản 3 Điều 138, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 69, khoản 1 Điều 74 Bộ luật hình sự xử phạt Kiều Trọng T từ 5 đến 5 năm 6 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/02/2017;

Đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 250, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đoàn Văn D từ 24 -30 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án;

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, Nghị quyết 41/2017/QH14 của Quốc hội (được áp dụng Điều 107 BLHS 2015 về xóa án tích) xử phạt Kiều Trọng C từ 12-18 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/02/2017;

Về TNDS: Đề nghị áp D Điều 42 Bộ luật hình sự, Điều 608 Bộ luật dân sự, Chấp nhận sự tự nguyện bồi thường thay cho các bị cáo số tiền 13.000.000đ của Đoàn Văn D.

- Buộc các bị cáo T, N, C phải liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Văn D số tiền 8.000.000đ, xác nhận D tự nguyện bồi thường thay 1.000.000đ, Còn lại 7.000.000đ, mỗi bị cáo phải bồi thường là 2.334.000đ, trong đó T và N mỗi bị cáo đã bồi thường 1.500.000đ. Như vậy C còn phải bồi thường 2.334.000đ, gia đình T và N mỗi bị cáo còn phải bồi thường cho ông D 834.000đ.

- Buộc các bị cáo T, N, C phải liên đới bồi thường cho chị PH Thu H số tiền 12.000.000đ, xác nhận D tự nguyện bồi thường thay 1.000.000đ, Còn lại 11.000.000đ, mỗi bị cáo phải bồi thường là 3.667.000đ, trong đó T và N mỗi bị cáo đã bồi thường 1.500.000đ. Như vậy C còn phải bồi thường 3.667.000đ, gia đình T và N mỗi bị cáo còn phải bồi thường cho chị H 2.167.000đ.

- Buộc bị cáo N và gia đình bị cáo T phải bồi thường cho ông Nguyễn Văn Th số tiền 14.500.000đ, mỗi bị cáo phải bồi thường 7.250.000đ, mỗi bị cáo đã bồi thường 1.500.000đ, do vậy gia đình T và N mỗi bị cáo còn phải bồi thường 5.750.000đ.

- Buộc bị cáo N và gia đình bị cáo T phải bồi thường cho anh Ngô Văn M số tiền 7.000.000đ, xác nhận D tự nguyện bồi thường thay 1.000.000đ, các bị cáo còn phải bồi thường là 6.000.000đ, mỗi bị cáo phải bồi thường 3.000.000đ, mỗi bị cáo đã bồi thường 1.500.000đ, do vậy gia đình T và N mỗi bị cáo còn phải bồi thường 1.500.000đ

- Buộc bị cáo N và gia đình bị cáo T phải bồi thường cho anh Đỗ Xuân S số tiền 12.000.000đ, xác nhận D tự nguyện bồi thường thay 1.000.000đ, các bị cáo còn phải bồi thường là 11.000.000đ, mỗi bị cáo phải bồi thường 5.500.000đ, mỗi bị cáo đã bồi thường 1.500.000đ, do vậy gia đình T và N mỗi bị cáo còn phải bồi thường 4.000.000đ

- Buộc bị cáo N và gia đình bị cáo T phải bồi thường cho anh Kiều Mạnh T1 số tiền 16.000.000đ, xác nhận D tự nguyện bồi thường thay 1.000.000đ, các bị cáo còn phải bồi thường là 15.000.000đ, mỗi bị cáo phải bồi thường 7.500.000đ, mỗi bị cáo đã bồi thường 1.500.000đ, do vậy gia đình T và N mỗi bị cáo còn phải bồi thường 6.000.000đ

- Buộc bị cáo N và gia đình bị cáo T phải bồi thường cho anh H Bình Ch số tiền 14.000.000đ, xác nhận D tự nguyện bồi thường thay 1.000.000đ, các bị cáo còn phải bồi thường là 13.000.000đ, mỗi bị cáo phải bồi thường 6.500.000đ, mỗi bị cáo đã bồi thường 1.500.000đ, do vậy gia đình T và N mỗi bị cáo còn phải bồi thường 5.000.000đ

- Buộc bị cáo N và gia đình bị cáo T phải bồi thường cho ông Nguyễn Ngọc C số tiền 8.000.000đ, xác nhận D tự nguyện bồi thường thay 1.000.000đ, các bị cáo còn phải bồi thường là 7.000.000đ, mỗi bị cáo phải bồi thường 3.500.000đ, mỗi bị cáo đã

bồi thường 1.500.000đ, do vậy gia đình T và N mỗi bên còn phải bồi thường 2.000.000đ

- Buộc bị cáo N và gia đình bị cáo T phải bồi thường cho anh Đỗ Văn Tr số tiền 25.000.000đ, xác nhận D tự nguyện bồi thường thay 2.000.000đ, các bị cáo còn phải bồi thường là 23.000.000đ, mỗi bị cáo phải bồi thường 11.500.000đ, mỗi bị cáo đã bồi thường 2.000.000đ, do vậy gia đình T và N mỗi bị cáo còn phải bồi thường 9.500.000đ

- Buộc bị cáo N và gia đình bị cáo T phải bồi thường cho ông Nguyễn Khắc D số tiền 10.000.000đ, xác nhận D tự nguyện bồi thường thay 1.000.000đ, các bị cáo còn phải bồi thường là 9.000.000đ, mỗi bị cáo phải bồi thường 4.500.000đ, mỗi bị cáo đã bồi thường 1.500.000đ, do vậy gia đình T và N mỗi bị cáo còn phải bồi thường 3.000.000đ

- Buộc bị cáo N và gia đình bị cáo T phải bồi thường cho bà Khuất Thị N số tiền 6.000.000đ, xác nhận D tự nguyện bồi thường thay 1.000.000đ, các bị cáo còn phải bồi thường là 5.000.000đ, mỗi bị cáo phải bồi thường 2.500.000đ, mỗi bị cáo đã bồi thường 1.500.000đ, do vậy gia đình T và N mỗi bên còn phải bồi thường 1.000.000đ

- Buộc bị cáo N và gia đình bị cáo T phải bồi thường cho anh Trần Đình C số tiền 15.000.000đ, xác nhận D tự nguyện bồi thường thay 1.000.000đ, các bị cáo còn phải bồi thường là 14.000.000đ, mỗi bị cáo phải bồi thường 7.000.000đ, mỗi bị cáo đã bồi thường 1.500.000đ, do vậy gia đình T và N mỗi bị cáo còn phải bồi thường 5.500.000đ

- Buộc bị cáo N và gia đình bị cáo T phải bồi thường cho anh Nguyễn Thành N số tiền 15.000.000đ, xác nhận D tự nguyện bồi thường thay 1.000.000đ, các bị cáo còn phải bồi thường là 14.000.000đ, mỗi bị cáo phải bồi thường 7.000.000đ, mỗi bị cáo đã bồi thường 1.500.000đ, do vậy gia đình T và N mỗi bị cáo còn phải bồi thường 5.500.000đ.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 7.000.000đ là tiền thu lời bất C từ việc bán 13 chiếc xe máy trộm cắp mà Đoàn Văn D đã tự nguyện nộp.

Đề nghị HĐXX áp D Điều 41 Bộ luật hình sự, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: tuyên tịch thu tiêu hủy 01 Vam phá khóa hình chữ T bằng kim loại (gồm 01 tay công dài 15cm + 01 đầu vam dài 7,5cm + 01 khẩu nối hình trụ dài 2,5cm.

Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại Phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo Kiều Trọng T cho rằng: Việc Viện Kiểm sát nhân dân huyện PT truy tố bị cáo T theo điểm a khoản 3 Điều 138 Bộ luật hình sự là đúng pháp luật. Đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo: Khi phạm tội bị cáo chưa đủ 17 tuổi, gia đình thuộc diện hộ nghèo, bố bệnh tật ốm đau, gia đình bị cáo đã khắc phục một phần hậu quả. Do vậy đề nghị HĐXX áp dụng điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 69, Điều 74 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất

của khung hình phạt. Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị HĐXX xem xét vai trò của bị cáo T là thứ yếu trong vụ án, không chia đều trách nhiệm bồi thường cho từng bị cáo. Đề nghị HĐXX miễn án phí dân sự cho bị cáo T.

Người bào chữa cho bị cáo D trình bày: Đề nghị HĐXX xem xét việc D đã tự nguyện nộp số tiền thu lời bắt C là 7.000.000đ và tự nguyện bồi thường thay cho các bị cáo khác số tiền 13.000.000đ cho những người bị hại mặc dù bản thân bị cáo và gia đình có hoàn cảnh rất khó khăn, bị cáo bị bệnh nặng, gia đình thuộc diện hộ nghèo. Do vậy, đề nghị HĐXX áp D các tình tiết giảm nhẹ thuộc điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 cho bị cáo được hưởng mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Đề nghị HĐXX miễn án phí dân sự cho bị cáo D.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại Phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

### **XÉT THẤY**

Lời khai của các bị cáo tại Phiên toà phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu điều tra khác có trong hồ sơ. Do vậy có đủ cơ sở để khẳng định:

Lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ tài sản, trong khoảng thời gian từ tháng 9/2016 đến tháng 02/2017, Nguyễn Ngọc N, Kiều Trọng T và Kiều Trọng C đã 11 lần thực hiện hành vi trộm cắp 11 chiếc xe mô tô của người khác trên địa bàn huyện PT, thành phố Hà N và 04 lần trộm cắp 04 chiếc xe mô tô của người khác tại các địa bàn huyện P, V và thị xã ST, thành phố Hà N, cụ thể:

Nguyễn Ngọc N và Kiều Trọng T đã cùng nhau thực hiện 15 vụ trộm cắp tài sản, chiếm đoạt 15 chiếc xe mô tô, tổng tài sản giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 222.000.000đ (*Hai trăm hai mươi hai triệu đồng*).

Trong 15 vụ trộm cắp trên thì Kiều Trọng C tham gia cùng Kiều Trọng T và Nguyễn Ngọc N 02 vụ, chiếm đoạt 02 chiếc xe mô tô, tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*).

Sau khi trộm cắp được những xe mô tô trên, Nguyễn Ngọc N, Kiều Trọng T và Kiều Trọng C đã đem bán cho Đoàn Văn D 13 chiếc xe mô tô với tổng trị giá là 169.000.000đ (*Một trăm sáu mươi chín triệu đồng*). Đoàn Văn D, mặc dù không hứa hẹn trước nhưng biết rõ 13 chiếc xe trên là do N, T và C trộm cắp được vẫn liên tục tiêu thụ số tài sản trên bằng cách tháo rời các phụ tùng của xe và bán kiếm lời số tiền 7.000.000 đồng (*B triệu đồng*).

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, trong một thời gian ngắn gây ra hàng loạt vụ trộm cắp làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an ở địa phương, gây hoang mang, phần nộ

trong quần chúng nhân dân nên cần có biện pháp xử lý nghiêm để răn đe các bị cáo nói riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung.

Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết sau đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho tất cả bị cáo: Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Áp dụng tình tiết: Người phạm tội đã tự nguyện sửa chữa, bồi thường Thệt hại, khắc phục hậu quả theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự cho các bị cáo T, N, D. Bị cáo T, N, C ra đầu thú và bị cáo D thuộc diện hộ nghèo, bản thân bị bệnh suy thận nặng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

HĐXX thấy rằng: Trong vụ án này, các bị cáo là đồng phạm mang tính giản đơn song cần xác định vai trò, tính chất nguy hiểm của hành vi đối với từng bị cáo để xem xét quyết định hình phạt. Trong đó:

Bị cáo N và T có vai trò đứng đầu trong vụ án này, bị cáo N đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản nhưng không lấy đó làm bài học tu dưỡng mà còn tiếp tục phạm tội nhiều lần, song do N và T đã bị cộng tổng giá trị tài sản trộm cắp để truy cứu trách nhiệm hình sự nên không áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần. Đối với T, khi thực hiện hành vi phạm tội, T chưa đủ 18 tuổi nên được áp dụng Điều 69, 74 Bộ luật hình sự khi quyết định hình phạt, T chỉ phải chịu mức án bằng 3/4 của người đã thành niên.

Đối với C, do chỉ tham gia 02 vụ trộm nên bị truy tố theo khoản 1 Điều 138, bản thân C đã 02 lần bị kết án về tội Trộm cắp tài sản nhưng do khi phạm tội lần trước, C chưa đủ 18 tuổi nên được áp dụng Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về việc thi hành Bộ luật hình sự 2015, áp dụng cách tính xóa án tích theo Điều 107 BLHS 2015, được coi là đã xóa án tích nên không bị áp dụng tình tiết tăng nặng tái phạm, tái phạm nguy hiểm song cần áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần theo điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Về trách nhiệm dân sự, đối với các xe máy không thu hồi được, người bị hại có yêu cầu bồi thường Thệt hại, T, N, C phải có trách nhiệm bồi thường đối với các xe máy mà mình đã tham gia trộm cắp. Đối với D, tuy không có trách nhiệm phải bồi thường nhưng bị cáo đã tự nguyện xin nộp tiền bồi thường cho các chủ xe mà D đã tiêu thụ. Do vậy HĐXX chấp nhận.

Về xử lý vật chứng: - Số tiền 7.000.000đ (*B triệu đồng*) thu lời bất chính mà D đã nộp cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền 13.000.000đ mà D tự nguyện bồi thường thay cho các bị cáo đối với các chủ xe được xác định như sau:

- BT ông Nguyễn Văn D 1.000.000đ;
- BT chị PH Thu H 1.000.000đ;
- BT anh Ngô Văn M 1.000.000đ;

- BT anh Đỗ Xuân S 1.000.000đ;
- BT anh Kiều Mạnh T1 1.000.000đ;
- BT anh H Bình Ch 1.000.000đ;
- BT ông Nguyễn Ngọc C 1.000.000đ;
- BT anh Đỗ Văn Tr 2.000.000đ;
- BT ông Nguyễn Khắc D 1.000.000đ;
- BT bà Khuất Thị N 1.000.000đ;
- BT anh Trần Đình C 1.000.000đ;
- BT anh Nguyễn Thành N 1.000.000đ;

Đối với 01 vạm phá khóa hình chữ T là công cụ phạm tội cần tịch thu tiêu hủy. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự. Riêng bị cáo T thuộc diện hộ nghèo nên được miễn án phí dân sự.

***Vì các lý trên,***

### **QUYẾT ĐỊNH**

Tuyên bố: Các bị cáo ***Nguyễn Ngọc N, Kiều Trọng T, Kiều Trọng C*** phạm tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo ***Đoàn Văn D*** phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 138, điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46, Điều 33, Điều 20, Điều 53 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc N 08 (*Tám*) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/02/2017.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 138, điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46, Điều 33, Điều 20, Điều 53, Điều 69, Điều 74 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Kiều Trọng T 05 (*năm*) năm 06 (*sáu*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/02/2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm p khoản 1, 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 33, Điều 20, Điều 53 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Kiều Trọng C 15 (*Mười lăm*) tháng tù, Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/02/2017.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 250, điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS, xử phạt bị cáo Đoàn Văn D 24 (*Hai mươi bốn*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Đoàn Văn D bồi thường dân sự như sau:

- Bồi thường cho ông Nguyễn Văn D 1.000.000đ (*Một triệu đồng*);
- Bồi thường cho chị PH Thu H 1.000.000đ (*Một triệu đồng*);
- Bồi thường cho anh Ngô Văn M 1.000.000đ (*Một triệu đồng*);
- Bồi thường cho anh Đỗ Xuân S 1.000.000đ (*Một triệu đồng*);

- Bồi thường cho anh Kiều Mạnh T1 1.000.000đ (*Một triệu đồng*);
- Bồi thường cho anh H Bình Ch 1.000.000đ (*Một triệu đồng*);
- Bồi thường cho ông Nguyễn Ngọc C 1.000.000đ (*Một triệu đồng*);
- Bồi thường cho anh Đỗ Văn Tr 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*);
- Bồi thường cho ông Nguyễn Khắc D 1.000.000đ (*Một triệu đồng*);
- Bồi thường cho bà Khuất Thị N 1.000.000đ (*Một triệu đồng*);
- Bồi thường cho anh Trần Đình C 1.000.000đ (*Một triệu đồng*);
- Bồi thường cho anh Nguyễn Thành N 1.000.000đ (*Một triệu đồng*);

Số tiền này D đã tự nguyện nộp và đang được lưu giữ tại Kho bạc Nhà nước huyện PT theo Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 21/7/2017.

Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự, Điều 606, 608 Bộ luật dân sự 2005, Điều 688, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015; Xác định ông Kiều Trọng B, bà Kiều Thị Th phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do T gây ra.

- Buộc các bị cáo T, N, C phải liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Văn D số tiền 8.000.000đ, xác nhận D tự nguyện bồi thường thay 1.000.000đ, Còn lại 7.000.000đ, mỗi bị cáo phải bồi thường là 2.334.000đ, trong đó T và N mỗi bị cáo đã bồi thường 1.500.000đ. Như vậy C còn phải bồi thường 2.334.000đ (*Hai triệu ba trăm ba mươi tư nghìn đồng*), bố mẹ bị cáo T và N mỗi bị cáo còn phải bồi thường cho ông D 834.000đ (*Tám trăm ba mươi tư nghìn đồng*);

- Buộc các bị cáo T, N, C phải liên đới bồi thường cho chị PH Thu H số tiền 12.000.000đ, xác nhận D tự nguyện bồi thường thay 1.000.000đ, Còn lại 11.000.000đ, mỗi bị cáo phải bồi thường là 3.667.000đ, trong đó T và N mỗi bị cáo đã bồi thường 1.500.000đ. Như vậy C còn phải bồi thường 3.667.000đ (*Ba triệu sáu trăm sáu mươi B nghìn đồng*), bố mẹ bị cáo T và N mỗi bị cáo còn phải bồi thường cho chị H 2.167.000đ (*Hai triệu một trăm sáu mươi B nghìn đồng*);

- Buộc bị cáo N và gia đình bị cáo T phải bồi thường cho ông Nguyễn Văn Th số tiền 14.500.000đ, mỗi bị cáo phải bồi thường 7.250.000đ, mỗi bị cáo đã bồi thường 1.500.000đ, do vậy bố mẹ bị cáo T và N mỗi bị cáo còn phải bồi thường 5.750.000đ (*Năm triệu B trăm năm mươi nghìn đồng*);

- Buộc bị cáo N và gia đình bị cáo T phải bồi thường cho anh Ngô Văn M số tiền 7.000.000đ, xác nhận D tự nguyện bồi thường thay 1.000.000đ, các bị cáo còn phải bồi thường là 6.000.000đ, mỗi bị cáo phải bồi thường 3.000.000đ, mỗi bị cáo đã bồi thường 1.500.000đ, do vậy bố mẹ bị cáo T và N mỗi bên còn phải bồi thường 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*);

- Buộc bị cáo N và gia đình bị cáo T phải bồi thường cho anh Đỗ Xuân S số tiền 12.000.000đ, xác nhận D tự nguyện bồi thường thay 1.000.000đ, các bị cáo còn phải bồi thường là 11.000.000đ, mỗi bị cáo phải bồi thường 5.500.000đ, mỗi bị cáo đã bồi thường 1.500.000đ, do vậy bố mẹ bị cáo T và N mỗi bị cáo còn phải bồi thường 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*);

- Buộc bị cáo N và gia đình bị cáo T phải bồi thường cho anh Kiều Mạnh T1 số tiền 16.000.000đ, xác nhận D tự nguyện bồi thường thay 1.000.000đ, các bị cáo còn phải bồi thường là 15.000.000đ, mỗi bị cáo phải bồi thường 7.500.000đ, mỗi bị cáo đã bồi thường 1.500.000đ, do vậy bố mẹ bị cáo T và N mỗi bị cáo còn phải bồi thường 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng*);

- Buộc bị cáo N và gia đình bị cáo T phải bồi thường cho anh Hoàng Bình Ch số tiền 14.000.000đ, xác nhận D tự nguyện bồi thường thay 1.000.000đ, các bị cáo còn phải bồi thường là 13.000.000đ, mỗi bị cáo phải bồi thường 6.500.000đ, mỗi bị cáo đã bồi thường 1.500.000đ, do vậy bố mẹ bị cáo T và N mỗi bị cáo còn phải bồi thường 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*);

- Buộc bị cáo N và gia đình bị cáo T phải bồi thường cho ông Nguyễn Ngọc C số tiền 8.000.000đ, xác nhận D tự nguyện bồi thường thay 1.000.000đ, các bị cáo còn phải bồi thường là 7.000.000đ, mỗi bị cáo phải bồi thường 3.500.000đ, mỗi bị cáo đã bồi thường 1.500.000đ, do vậy bố mẹ bị cáo T và N mỗi bị cáo còn phải bồi thường 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*);

- Buộc bị cáo N và gia đình bị cáo T phải bồi thường cho anh Đỗ Văn Tr số tiền 25.000.000đ, xác nhận D tự nguyện bồi thường thay 2.000.000đ, các bị cáo còn phải bồi thường là 23.000.000đ, mỗi bị cáo phải bồi thường 11.500.000đ, mỗi bị cáo đã bồi thường 2.000.000đ, do vậy bố mẹ bị cáo T và N mỗi bị cáo còn phải bồi thường 9.500.000đ (*Chín triệu năm trăm nghìn đồng*);

- Buộc bị cáo N và gia đình bị cáo T phải bồi thường cho ông Nguyễn Khắc D số tiền 10.000.000đ, xác nhận D tự nguyện bồi thường thay 1.000.000đ, các bị cáo còn phải bồi thường là 9.000.000đ, mỗi bị cáo phải bồi thường 4.500.000đ, mỗi bị cáo đã bồi thường 1.500.000đ, do vậy bố mẹ bị cáo T và N mỗi bị cáo còn phải bồi thường 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*);

- Buộc bị cáo N và gia đình bị cáo T phải bồi thường cho bà Khuất Thị N số tiền 6.000.000đ, xác nhận D tự nguyện bồi thường thay 1.000.000đ, các bị cáo còn phải bồi thường là 5.000.000đ, mỗi bị cáo phải bồi thường 2.500.000đ, mỗi bị cáo đã bồi thường 1.500.000đ, do vậy bố mẹ bị cáo T và N mỗi bị cáo còn phải bồi thường 1.000.000đ (*Một triệu đồng*);

- Buộc bị cáo N và gia đình bị cáo T phải bồi thường cho anh Trần Đình C số tiền 15.000.000đ, xác nhận D tự nguyện bồi thường thay 1.000.000đ, các bị cáo còn phải bồi thường là 14.000.000đ, mỗi bị cáo phải bồi thường 7.000.000đ, mỗi bị cáo đã bồi thường 1.500.000đ, do vậy bố mẹ bị cáo T và N mỗi bị cáo còn phải bồi thường 5.500.000đ (*Năm triệu năm trăm nghìn đồng*);

- Buộc bị cáo N và gia đình bị cáo T phải bồi thường cho anh Nguyễn Thành N số tiền 15.000.000đ, xác nhận D tự nguyện bồi thường thay 1.000.000đ, các bị cáo còn phải bồi thường là 14.000.000đ, mỗi bị cáo phải bồi thường 7.000.000đ, mỗi bị cáo đã

bồi thường 1.500.000đ, do vậy bố mẹ bị cáo T và N mỗi bị cáo còn phải bồi thường 5.500.000đ (*Năm triệu năm trăm nghìn đồng*).

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 7.000.000đ (*B triệu đồng*) do D thu lời bất C. Số tiền này D đã tự nguyện nộp và đang được lưu giữ tại Kho bạc Nhà nước huyện PT theo Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 21/7/2017.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 Vam phá khóa hình chữ T bằng kim loại (gồm 01 tay công dài 15cm + 01 đầu vam dài 7,5cm + 01 khẩu nối hình trụ dài 2,5cm).

Vật chứng hiện đang được Chi cục thi hành án dân sự huyện PT quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/7/2017.

Về án phí: Căn cứ Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự, áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14: Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo N phải chịu 2.587.500đ (*Hai triệu năm trăm tám mươi B nghìn năm trăm đồng*) án phí dân sự,

Bị cáo C phải chịu 300.000đ án phí dân sự,

Miễn án phí dân sự cho bị cáo T.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu những người phải thi hành án không thi hành án về phần tiền truy thu, tiền bồi thường thì còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do ngân hàng Nhà nước qui định đối với số tiền chậm thi hành án, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Căn cứ vào Điều 231, 234 của Bộ luật tố tụng hình sự: các bị cáo, người bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Những người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ Q vắng mặt có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp Q đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

*Trong hợp bản án, quyết định được Thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự, có quyền thoả thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhận:**

- TAND TP Hà N;
- CA, CCTHA, VKSND huyện PT;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa Phiên tòa**

- Các bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu HS, VP.

**Đỗ Thị M Loan**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PÊN TÒA**

